

Phiếu bài tập Tiếng Việt lớp 2

Điền vần · Chính tả âm đầu · Nói từ

Họ và tên: _____

Lớp: _____ Ngày: _____

Điểm

Lời phê của thầy cô

Bài 1 Điền in hay inh vào chỗ chấm:

1. t _____ toán

2. b _____ hoa

3. k _____ mắt

4. x _____ chào

5. quả ch _____

6. t _____ tức

Bài 2 Điền ôn hay ông vào chỗ chấm:

1. b _____ mùa

2. l _____ xôn

3. c _____ chiêm

4. đ _____ vui

5. kh _____ khí

Bài 3 Điền ân hay âng vào chỗ chấm:

1. g _____ xa

2. s _____ trường

3. b _____ rộn

4. t _____ hai

5. th _____ thiết

Bài 4 Điền ch hay tr vào chỗ chấm:

1. _____ ơi đùa

2. quả _____ uối

3. cây _____ e

4. _____ ẩm chỉ

5. _____ ung thực

6. _____ ẻ em

Bài 5 Điền s hay x vào chỗ chấm:

1. _____ ếp hàng

2. _____ inh đẹp

3. màu anh

4. dòng ông

5. ngôi ao

Bài 6 Điền ch hay tr vào chỗ chấm:

1. ẻ em

2. con ó

3. ạy nhảy

4. ắm chỉ

5. ông mặt ời

Bài 7 Nối mỗi từ ở cột A với từ trái nghĩa ở cột B:

A

1. trắng •

2. đầy •

3. yếu •

4. chậm •

5. ngoan •

6. ngắn •

B

• a. hư

• b. đen

• c. nhanh

• d. vớ

• e. dài

• f. khoẻ

A

1. chậm •

2. béo •

3. lười biếng •

4. cũ •

5. tối •

6. thấp •

B

• a. sáng

• b. chăm chỉ

• c. cao

• d. gầy

• e. mới

• f. nhanh

Đáp án – Phiếu bài tập Tiếng Việt lớp 2

Bài 1

1. tính toán	2. bình hoa	3. kính mắt	4. xin chào
5. quả chín	6. tin tức		

Bài 2

1. bốn mùa	2. lộn xộn	3. cổng chiêng	4. đông vui
5. không khí			

Bài 3

1. gần xa	2. sân trường	3. bạn rộn	4. tầng hai
5. thân thiết			

Bài 4

1. chơi đùa	2. quả chuối	3. cây tre	4. chăm chỉ
5. trung thực	6. trẻ em		

Bài 5

1. xếp hàng	2. xinh đẹp	3. màu xanh	4. dòng sông
5. ngôi sao			

Bài 6

1. trẻ em	2. con chó	3. chạy nhảy	4. chăm chỉ
5. ông mặt trời			

Bài 7

1. 1-b, 2-d, 3-f, 4-c, 5-a, 6-e	2. 1-f, 2-d, 3-b, 4-e, 5-a, 6-c		
---------------------------------	---------------------------------	--	--